



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ
GS.TS. NGUYỄN THỊ CÀNH

GIÁO TRÌNH

**PHƯƠNG PHÁP & PHƯƠNG PHÁP LUẬN
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ**

(Tài bản lần thứ nhất, có sửa chữa và bổ sung)

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
TP HỒ CHÍ MINH - 2007**

GIÁO TRÌNH
PHƯƠNG PHÁP & PHƯƠNG PHÁP LUẬN
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ
(Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa và bổ sung)
GS-TS Nguyễn Thị Cảnh

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH
Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP HCM
ĐT: 7242181, 7242160 + (1421, 1422, 1423, 1425, 1426)
Fax: 7242194

Email: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. HUỖNH BÁ LÂN

Biên tập:

PHẠM ANH TÚ

Sửa bản in:

TRẦN VĂN THẮNG

Trình bày bìa:

XUÂN THẢO

Người / Đơn vị liên kết

KHOA KINH TẾ - ĐHQG TPHCM

GT.02. KT(V) 486-2007/CXB/300-34/ĐHQGTPHCM
DHQG.HCM-07 KT.GT.658-07 (T)

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty in Hưng Phú. Số ĐKKHXB: 486-2007/CXB/300-34/ĐHQGTPHCM. Quyết định xuất bản số: 126/QĐ-ĐHQGTPHCM/TB ký ngày 8/8/2007. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2007.

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình môn học “Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế” được sử dụng làm tài liệu giảng dạy cho học viên cao học, nghiên cứu sinh thuộc các chuyên ngành kinh tế, nhằm cung cấp các phương pháp, phương pháp luận khoa học là cơ sở cho học viên có cách tiếp cận khoa học khi tiến hành nghiên cứu hoặc thực hành nghiên cứu những vấn đề kinh tế theo các mức độ khác nhau (nghiên cứu đề tài khoa học, thực hiện các chuyên đề tiểu luận, làm luận văn cao học và luận án tiến sĩ). Ngoài ra, giáo trình này cũng có thể giới thiệu cho sinh viên năm cuối bậc đại học tham khảo khi thực hiện chuyên đề thực tập tốt nghiệp hay viết khóa luận tốt nghiệp. Qua gần bốn năm xuất bản (xuất bản lần đầu vào đầu năm 2004), giáo trình “Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế” không chỉ phục vụ làm tài liệu giảng dạy môn học cùng tên cho các chương trình giảng dạy sau đại học của Khoa Kinh tế – Đại học Quốc gia TP HCM, mà còn phục vụ bạn đọc gần xa trong cả nước. Tác giả cuốn sách cũng đã nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp khích lệ cũng như những ý kiến đóng góp chân tình của các bạn đọc từ Thái Nguyên, Hà Nội đến TP HCM... Để đáp ứng nhu cầu đào tạo đảm bảo chất lượng cao và phục vụ bạn đọc tốt hơn, tác giả cuốn sách đã chỉnh sửa một số sai sót trong các chương và cập nhật, đưa vào các thí dụ tình huống minh họa trong từng chương để người đọc dễ hiểu hơn trong lần tái bản này. Ngoài ra, trong lần chỉnh sửa này, tác giả đã thiết kế một chương mới (chương 7) nhằm phục vụ người đọc hiểu rõ hơn như thế nào là các phương pháp nghiên cứu định tính, phân biệt chúng với các phương pháp nghiên cứu định lượng, điều kiện áp dụng từng phương pháp, cũng như cách kết hợp các phương

pháp định tính và định lượng như thế nào trong một nghiên cứu. Đặc biệt, với sự trợ giúp của ThS. Hoàng Thọ Phú, (giảng viên Khoa Kinh tế, đã tham gia khóa học “Phương pháp luận nghiên cứu xây dựng chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh tại Việt Nam” do Dự án “Nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam – VNCI” tài trợ), trong chương 8 đã bổ sung một mục giới thiệu khái quát về quy trình nghiên cứu thiết kế chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại Việt Nam. Trong mục này đã giới thiệu phương pháp thu thập và xử lý số liệu trên chương trình STATA để có được kết quả xây dựng các trọng số theo phân tích nhân tố làm cơ sở xây dựng chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh tại Việt Nam.

Như đã nêu ở lần đầu xuất bản, giáo trình này có thể cung cấp cho học viên cao học và bạn đọc quan tâm các kiến thức cơ bản về cách thức hình thành các vấn đề nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu trong nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo khoa học như báo cáo một đề tài nghiên cứu hoặc luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ. Ngoài ra, giáo trình này còn giới thiệu cho người đọc các thí dụ tình huống cụ thể cùng các phụ lục liên quan đến hình thành một đề cương nghiên cứu đề tài khoa học, đề cương luận văn tốt nghiệp, đề cương luận án tiến sĩ và một kiểu thiết kế bảng hỏi được áp dụng trong nghiên cứu kinh tế, nghiên cứu đánh giá môi trường kinh doanh trong quá trình hội nhập. Giáo trình cũng giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô, qua đó có thể gợi ý cho học viên, sinh viên lựa chọn vấn đề nghiên cứu mà mình quan tâm, làm cơ sở cho việc lựa chọn đề tài luận văn, luận án và có thể là đề tài

nghiên cứu khoa học trong tương lai. Trong các nội dung trình bày sẽ có các câu hỏi thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng các phương pháp được học như thế nào.

Kết cấu nội dung giáo trình gồm có 8 chương và phần phụ lục. Trình tự sắp xếp các chương và nội dung của mỗi chương được phác thảo như sau:

Chương 1: với tiêu đề “Khoa học và Nghiên cứu khoa học” trình bày những vấn đề liên quan đến các khái niệm chung như khoa học và nghiên cứu khoa học, hiện tượng và tư duy khoa học, các loại khoa học, cộng đồng khoa học và nhà nghiên cứu, phương pháp và quan điểm khoa học, các bước tiến hành quá trình nghiên cứu...

Chương 2: trình bày sâu về việc hình thành và luận giải vấn đề nghiên cứu như trần trở, vật lộn với vấn đề nghiên cứu như thế nào, mức độ lí thuyết và thực nghiệm trong một nghiên cứu, các khái niệm, định nghĩa và mô hình nghiên cứu, vai trò của lí thuyết và tài liệu quá khứ...

Chương 3: tập trung vào những vấn đề quan trọng cần được luận giải đối với người nghiên cứu về việc lựa chọn một thiết kế nghiên cứu đầy đủ trong nghiên cứu thực nghiệm. Cụ thể hơn, chương này sẽ giới thiệu các thiết kế nghiên cứu khác nhau, cấu trúc vấn đề, vấn đề nhân-quả, thử nghiệm cổ điển và các yêu cầu trong thiết kế nghiên cứu.

Chương 4: giới thiệu các đo lường trong nghiên cứu. Nghiên cứu thực nghiệm phần lớn thường áp dụng các đo lường (phép đo). Nguyên nhân để thu thập dữ liệu là phải có được những thông tin quan trọng cho vấn đề nghiên cứu với sự khảo sát kĩ lưỡng. Chất lượng của thông tin phụ thuộc

hiệu vào thủ tục, cách thức đo lường được sử dụng trong thu thập số liệu. Vì vậy trong chương này sẽ đề cập đến khái niệm về đo lường, mức độ hay chia độ đo lường, tầm quan trọng của giá trị và độ tin cậy của đo lường.

Chương 5: thu thập số liệu và nguồn số liệu. Mục đích của chương này là xem xét (1) chúng ta muốn nói gì qua thu thập số liệu, (2) nguồn số liệu thu thập là gì, (3) tìm ở đâu ra số liệu đúng, và (4) làm thế nào để thu thập được số liệu phù hợp cho các loại nghiên cứu khác nhau và cho vấn đề nghiên cứu cụ thể. Các nội dung liên quan sẽ được đề cập trong chương này bao gồm nguồn số liệu sơ cấp và thứ cấp, các phương pháp thu thập số liệu sơ cấp (phương pháp quan sát, khảo sát và phỏng vấn).

Chương 6: giới thiệu các vấn đề liên quan đến chọn mẫu và xác định kích thước mẫu điều tra thu thập số liệu. Cụ thể, trong chương này sẽ trình bày ba vấn đề chính đó là tại sao lại chọn mẫu, các khái niệm về chọn mẫu, chọn mẫu xác suất và chọn mẫu phi xác suất, các công thức và thí dụ về tính kích thước mẫu.

Chương 7: mục đích của chương này là giới thiệu các phương pháp nghiên cứu định tính, phân biệt sự khác nhau giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, bàn luận về các trường hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính. Trong chương này cũng sẽ trình bày phương pháp phân tích số liệu định tính, các quan điểm phân tích số liệu định tính và định lượng.

Chương 8: trình bày các phương pháp phân tích số liệu. Mục đích của chương này là đưa ra cách thể hiện đơn giản về việc phân tích số liệu như thế nào. Xác định vấn đề và chọn

phương pháp phân tích. Có một số phương pháp phân tích số liệu định lượng được giới thiệu trong chương này bao gồm phân tích một biến, phân tích hai biến qua bảng chéo, phân tích bảng chéo với biến thứ ba, các phương pháp phân tích hồi quy đơn giản và đa biến, và các biến giả trong phân tích hồi qui. Ngoài ra, chương 8 còn giới thiệu tóm lược về quy trình thu thập và xử lý số liệu định lượng trên chương trình STATA nhằm tính toán các trọng số theo nhân tố là cơ sở để xây dựng chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam do dự án “Nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam – VNCI” thực hiện.

Chương 9: giới thiệu cách trình bày và viết báo cáo cuối cùng phản ánh kết quả nghiên cứu và trình bày các gợi ý lựa chọn vấn đề nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế. Ở đây sẽ xem xét hai nội dung chủ yếu, đó là các yêu cầu đối với một báo cáo nghiên cứu hay của một luận văn, luận án khoa học, cấu trúc và các phần của một bản báo cáo nghiên cứu, một bản luận văn cao học hay luận án tiến sĩ. Ngoài ra, chương này sẽ trình bày một số gợi ý cho thực hiện bài tập hay tiểu luận môn học, một thí dụ về bài tập tiểu luận môn học, cũng như giới thiệu một số gợi ý về các lĩnh vực nghiên cứu kinh tế trên các giác độ vĩ mô và vi mô làm cơ sở cho lựa chọn đề tài luận văn, luận án của sinh viên.

Phần phụ lục: Giới thiệu một số mẫu đề cương về đề tài nghiên cứu khoa học, đề cương luận văn cao học và luận án tiến sĩ đã bảo vệ thành công. Ngoài ra, phần phụ lục cũng giới thiệu Bảng hỏi thu thập thông tin đánh giá môi trường kinh doanh làm cơ sở đánh giá xếp hạng cạnh tranh ở mức độ quốc gia.

Giáo trình được biên soạn dựa trên các tài liệu, giáo trình, sách được sử dụng giảng dạy trong các trường đại học

kinh tế và quản trị kinh doanh ở nhiều nước trên thế giới như Anh, Mỹ, Thái Lan... Cụ thể, các nội dung cơ bản của giáo trình này được biên soạn chủ yếu dựa vào các tài liệu:

- (1) Sách “Các phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu kinh doanh – Hướng dẫn thực hành”, của các giáo sư Pervez N. Ghauri (Đại học Gronigen, Hà Lan), giáo sư Kjell Gronhaug (Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Bergen, Na Uy), giáo sư Ivar Kristianslund (Trường quản trị Oslo, Na Uy) do Nhà xuất bản Prentice Hall (Vương quốc Anh) phát hành lần đầu, năm 1995, tái bản lần thứ 5, năm 1999;
- (2) Sách “Các phương pháp nghiên cứu xã hội – Các cách tiếp cận định tính và định lượng” của tác giả W. Lawrence Neuman (Đại học Wisconsin, Hoa Kỳ), do Công ty Giáo dục Pearson, tái bản lần thứ 4, năm 2000;
- (3) Các thông tin, tư liệu thực tế do tác giả tích lũy qua quá trình nghiên cứu và cộng tác nghiên cứu với các Viện nghiên cứu khoa học kinh tế trong và ngoài nước, cũng như qua quá trình hướng dẫn nghiên cứu sinh, sinh viên cao học thuộc các chương trình đào tạo kinh tế và quản trị kinh doanh trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, tác giả vẫn mong muốn nhận được các ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần tái bản tiếp theo cuốn giáo trình này sẽ được hoàn thiện hơn. Mọi đóng góp xin gửi về địa chỉ:

GS.TS. Nguyễn Thị Cành
Bộ môn Tài chính-Ngân hàng
Khoa Kinh tế
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08 7242589; Fax: 08 722 0851;
Email: ntcanh@vnuhcm.edu.vn

CHƯƠNG 1

KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Chương nay trình bày các mục chính sau đây:

1.1. Các khái niệm về khoa học và nghiên cứu

1.1.1. Khoa học

1.1.2. Sự kiện (hiện tượng) và tư duy khoa học

1.1.3. Các loại khoa học

1.1.4. Cộng đồng khoa học và nhà nghiên cứu

1.1.5. Các tiêu chuẩn của cộng đồng khoa học

1.1.6. Phương pháp và quan điểm khoa học

1.1.7. Các bài báo và tạp chí trong khoa học

1.1.8. Khoa học như một quá trình biến đổi

1.2. Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu

1.2.1. Các bước tiến hành nghiên cứu

1.2.2. Thí dụ các bước thực hiện một đề tài/đề án nghiên cứu

1.1. CÁC KHÁI NIỆM VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU

1.1.1. Khoa học

Khoa học là một định chế xã hội và là con đường để sản sinh ra tri thức. Tầm quan trọng của khoa học trong xã hội hiện đại giống như một nền tảng để tìm kiếm các tri thức là sự liên kết với sự chuyển giao xã hội còn được gọi là cuộc cách mạng công nghiệp. Kiến thức khoa học được tổ chức thành những lí thuyết. Các nhà khoa học thu thập dữ kiện qua sử dụng các kĩ thuật chuyên dụng, và sử dụng dữ kiện để ủng hộ hoặc loại bỏ lí thuyết.

Khoa học là hệ thống các tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy, về những quy luật phát triển khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Hệ thống các tri thức này được hình thành trong lịch sử và không ngừng phát triển trên cơ sở thực tiễn xã hội.

Xuất phát từ những sự kiện của hiện thực, khoa học giải thích một cách đúng đắn nguồn gốc và sự phát triển của những sự kiện ấy, phát hiện những mối liên hệ bản chất của các hiện tượng, trang bị cho con người những tri thức về quy luật khách quan của thế giới hiện thực để con người áp dụng những quy luật đó trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

Khoa học góp phần vào việc nghiên cứu thế giới quan đúng đắn, xem xét sự kiện một cách biện chứng, giải phóng con người khỏi những mê tín dị đoan mù quáng, hoàn thiện khả năng trí tuệ của con người.

Khoa học còn có sứ mệnh làm giảm nhẹ lao động và làm cho đời sống con người được dễ dàng, tạo điều kiện để con người có thể nâng cao quyền lực đối với các lực lượng tự nhiên.

1.1.2. Sự kiện (hiện tượng) và tư duy khoa học

Sự kiện là cơ sở tất yếu của khoa học, là nguồn sống và phát triển của khoa học. Tuy nhiên, bản thân sự kiện chỉ là một mớ nguyên liệu chứ không phải là khoa học. Nhờ có tư duy lí luận, có sự trừu tượng khoa học, con người gạt bỏ được những liên hệ ngẫu nhiên của hiện tượng, đi sâu vào những liên hệ sâu xa, phát hiện những quy luật khách quan, những quy luật này là cơ sở của các quá trình của tự nhiên, của đời sống xã hội và của tư duy. Bản thân sự biểu hiện các quan hệ ngẫu nhiên của hiện tượng chưa phải là tri thức khoa học, vì sự phát triển của hiện tượng được quyết định không phải do

ngẫu nhiên mà do những quy luật khách quan. Tuy nhiên khoa học không chỉ nghiên cứu cái tất nhiên, mà còn cả cái ngẫu nhiên, coi ngẫu nhiên là một trong những hình thức hoặc yếu tố của sự biểu hiện cái có quy luật.

Như vậy, **tư duy khoa học** là một dạng của logic biện chứng, nó đóng vai trò liên kết giữa tư duy và thực tiễn. Đặc trưng và các nguyên tắc của tư duy khoa học là:

- Tính khách quan: xuất phát từ bản thân sự vật, hiện tượng;
- Tính toàn diện: xem xét đầy đủ các khía cạnh;
- Tính lịch sử: nhận thức sự vật, hiện tượng trong sự phát triển;
- Thống nhất giữa các mặt đối lập.

1.1.3. Phân loại khoa học và nghiên cứu khoa học

Tùy thuộc vào đối tượng nghiên cứu có thể phân khoa học theo hai nhóm: khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Một số khoa học tự nhiên như sinh học, hóa học, vật lý học... liên quan đến thế giới vật thể và vật chất như đất đá, cây cối, hóa chất, máu, điện... Khoa học tự nhiên là nền tảng của công nghệ mới và nhận được sự quảng bá rộng rãi, công khai.

Khoa học xã hội như nhân chủng học, chính trị học, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học... liên quan đến nghiên cứu con người, tín ngưỡng, hành vi, sự tương tác của họ và các định chế... Đôi khi có một số người gọi đây là “khoa học mềm”.

Các loại khoa học cũng được phân loại dựa trên các tính chất của công trình nghiên cứu khoa học. Theo tính chất hàn

lâm hay ứng dụng của công trình khoa học có thể chia khoa học thành:

- Khoa học lí thuyết;
- Khoa học ứng dụng.

Tương ứng với các loại khoa học trên thì có hai loại nghiên cứu, đó là nghiên cứu cơ bản, hay nghiên cứu lí thuyết, và nghiên cứu thực nghiệm.

Khi khoa học phát triển được áp dụng triển khai, dựa vào công đoạn hay quy trình nghiên cứu có thể phân các công trình nghiên cứu thành ba loại:

- Nghiên cứu cơ bản (Basis Research) – R;
- Nghiên cứu phát triển (Development Research) – RD;
- Nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai (Applied Research) còn gọi là dự án sản xuất thử (Pilot Production Project) – P.

Tuy nhiên sự phân chia này chỉ mang tính tương đối. Vì trong khi nghiên cứu ứng dụng, có thể đúc kết, tìm ra những khía cạnh mới của lí thuyết.

Theo mức độ thực hiện, một kết quả khoa học có thể được trình bày theo các hình thức báo cáo sau đây:

- Luận văn tốt nghiệp đại học;
- Tiểu luận;
- Luận văn thạc sĩ;
- Bài báo khoa học;
- Luận án tiến sĩ;

- Báo cáo phúc trình kết quả nghiên cứu khoa học theo các mức độ, phạm vi khác nhau (Chương trình, Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Viện/Trường...)

1.1.4. Cộng đồng khoa học và nhà nghiên cứu

Khoa học được truyền đạt lại cuộc sống thông qua **cộng đồng khoa học**, nơi duy trì những thừa nhận, quan điểm và kĩ thuật của khoa học. Cộng đồng khoa học là tập hợp những con người, những tiêu chuẩn, các cách thể hiện và các quan điểm được ràng buộc với nhau để duy trì những đặc tính khoa học. Là cộng đồng bởi vì đây là một nhóm những người có ảnh hưởng với nhau, chia sẻ những nguyên tắc luân lý, các tín ngưỡng, và các giá trị, các kĩ thuật và đào tạo, huấn luyện, và các hướng nghề nghiệp.

Hạt nhân của cộng đồng khoa học là các **nhà nghiên cứu**, người chỉ đạo thực hiện các nghiên cứu làm việc với thời gian đầy đủ hoặc bán thời gian, thường có sự giúp đỡ của các trợ lý. Nhiều **trợ lý nghiên cứu** là các học viên cao học, nghiên cứu sinh và sinh viên, thực hiện các công việc của một trợ lý nghiên cứu và đây là con đường để các nhà khoa học nắm bắt những hiểu biết thật sự các chi tiết của việc thực hiện một nghiên cứu.

Các trường đại học có thể coi như là những thành viên cốt lõi của cộng đồng khoa học. Trong các trường đại học có các viện nghiên cứu và, ngược lại, ở các trung tâm nghiên cứu lớn như viện hàn lâm lại có các trường đại học hoặc trung tâm đào tạo...

1.1.5. Các tiêu chuẩn của cộng đồng khoa học

Cộng đồng khoa học được quản lí bởi một tập hợp các tiêu chuẩn chuyên môn và những giá trị mà những nhà nghiên

cứu tiếp thu được trong quá trình học tập nhiều năm ở nhà trường. Các tiêu chuẩn là sự củng cố qua lại và là sự đóng góp vào vai trò chung của nhà khoa học.

Các tiêu chuẩn của cộng đồng khoa học bao gồm:

- (1) *Thuyết phổ biến*. Bất luận ai là nhà nghiên cứu (già hay trẻ, trai hay gái) và bất chấp địa điểm được tiến hành nghiên cứu ở đâu (Mỹ hay Pháp, Đại học Harvard hay một trường đại học không tên tuổi nào đó), việc nghiên cứu chỉ phải được đánh giá dựa trên cơ sở của các giá trị khoa học.
- (2) *Chủ nghĩa hoài nghi có trật tự*. Các nhà khoa học không phải chấp nhận các ý tưởng hoặc chứng cứ mới một cách vô tư, thiếu thái độ bình luận phê phán. Họ phải yêu cầu và đặt ra câu hỏi cho toàn bộ sự kiện và cho mỗi đối tượng nghiên cứu để tăng cường xem xét vấn đề một cách kĩ lưỡng. Mục đích của các bình luận phê phán không phải là để công kích cá nhân mà để đảm bảo rằng các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là thích hợp với việc lựa chọn được xem xét chặt chẽ, thận trọng.
- (3) *Tính vô tư*. Các nhà khoa học cần phải trung lập, công bằng, không thiên vị, dễ tiếp thu, và cởi mở đối với các quan sát bất ngờ hoặc các ý tưởng mới. Họ không nên trung thành một cách cứng nhắc đối với ý kiến riêng biệt hoặc quan điểm riêng của mình. Họ sẽ phải chấp nhận, ngay cả khi một chứng cứ được tìm kiếm mang tính ngẫu nhiên trùng hợp lập trường của họ và họ sẽ phải chấp nhận một cách trung thực những kết quả nghiên cứu được khám phá dựa trên cơ sở một nghiên cứu có chất lượng cao.
- (4) *Tính công cộng*. Kiến thức khoa học cần phải được chia sẻ với người khác. Kiến thức khoa học sáng tạo là một hoạt

động công khai, các kết quả khoa học phải được mọi người biết đến, và tất cả mọi người có thể sử dụng được các kết quả đó.

- (5) *Tính trung thực*. Đây là tiêu chuẩn văn hóa chung, nhưng lại là điều đặc biệt bền vững trong nghiên cứu khoa học. Yêu cầu các nhà khoa học phải trung thực trong tất cả các nghiên cứu. Những điều cấm kỵ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học là thiếu trung thực hoặc lừa đảo trong nghiên cứu khoa học.

1.1.6. Phương pháp và quan điểm khoa học

Phương pháp khoa học không phải là một cái gì đơn lẻ. Nó có liên quan đến những ý tưởng, những quy tắc, các kĩ thuật và các cách tiếp cận mà cộng đồng khoa học sử dụng.

Quan điểm khoa học được hiểu là một cách xem xét thế giới, vạn vật. Chẳng hạn quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là dựa trên tư duy duy vật biện chứng và duy vật lịch sử xem xét các sự kiện xã hội một cách khách quan, khoa học.

1.1.7. Các bài báo và tạp chí trong khoa học

Khi cộng đồng khoa học sáng tạo ra tri thức mới, nó sẽ được xuất hiện trong các cuốn sách hàn lâm hoặc qua các bài báo trong các tạp chí học thuật khoa học.

1.1.8. Khoa học như một quá trình biến đổi

Chúng ta có thể nghĩ về nghiên cứu như việc sử dụng các phương pháp khoa học để chuyển đổi các ý tưởng, linh cảm và các câu hỏi, đôi khi được gọi là các giả thuyết, thành tri thức khoa học. Trong quá trình nghiên cứu, nhà nghiên cứu bắt đầu với những ước đoán hay các câu hỏi và vận dụng các phương pháp và kĩ thuật chuyên dụng xử lí các tài liệu, số

liệu thô để giải quyết vấn đề đặt ra. Kết thúc quá trình nghiên cứu là một sản phẩm hoàn tất có giá trị được công bố, đó là tri thức khoa học. Nhà nghiên cứu được đánh giá cao hay có hữu ích cao là người sáng tạo ra số lượng lớn các tri thức mới giúp loài người hoàn thiện tốt nhất sự hiểu biết về thế giới vạn vật.

1.2. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU

1.2.1. Các bước tiến hành nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu đòi hỏi một số bước. Các cách tiếp cận khác nhau đòi hỏi có sự khác biệt đôi chút về các bước, song nhìn chung quá trình nghiên cứu được tiến hành theo các bước được đề cập dưới đây.

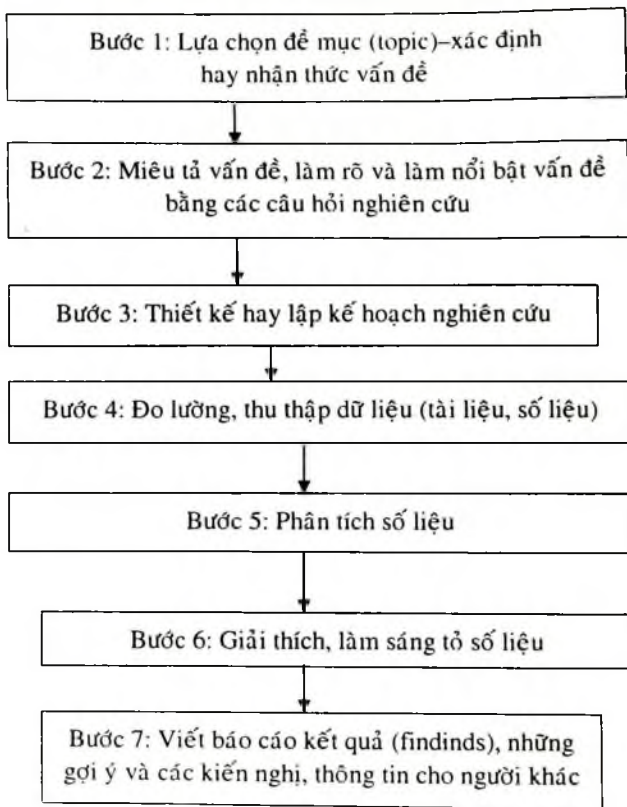
Quá trình nghiên cứu được **bắt đầu** bằng việc người nghiên cứu lựa chọn đề mục (chủ đề) – lĩnh vực chung của nghiên cứu hoặc một vấn đề như nghèo đói, cạnh tranh, hành vi khách hàng, thị trường tài chính,... Một chủ đề (topic) vẫn còn rất rộng để tiến hành nghiên cứu. Vì vậy **bước tiếp theo** là chọn vấn đề cốt yếu, theo đó, người nghiên cứu phải thu hẹp vấn đề lại, hoặc tập trung chủ đề vào câu hỏi nghiên cứu chuyên sâu mà họ nhắm tới trong nghiên cứu (chẳng hạn: với vấn đề nghèo đói: Diễn biến tình trạng nghèo đói tại Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi nền kinh tế như thế nào? Đâu là nguyên nhân của nghèo đói? Có hay không sự phân hóa giàu nghèo với khoảng cách quá lớn tại VN?...". Khi làm rõ chủ đề và thu hẹp phạm vi, tập trung nghiên cứu sâu một vấn đề, người nghiên cứu thường phải xem lại các nghiên cứu quá khứ có liên quan (tổng quan về các công trình nghiên cứu có liên quan), hoặc xem xét các tài liệu lý thuyết có liên quan về câu hỏi đặt ra cho nghiên cứu (tổng quan lý thuyết liên

quan). Tiếp theo là người nghiên cứu phải phát triển các câu trả lời xác thực hoặc các giả thuyết. Lí thuyết có thể đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn này.

Sau khi định rõ câu hỏi nghiên cứu, người nghiên cứu phải lên kế hoạch, theo đó họ sẽ tiến hành một nghiên cứu đặc thù hoặc thực hiện một đề án hay dự án nghiên cứu cụ thể. **Bước thứ ba** có liên quan đến việc tạo ra các quyết định về các nội dung chi tiết để thực hiện nghiên cứu (như có sử dụng điều tra khảo sát rộng, hay khảo sát sâu hay không, bao nhiêu đối tượng khảo sát cần lựa chọn, các câu hỏi khảo sát cần có như thế nào...). **Bước thứ tư** là người nghiên cứu cần thu thập số liệu và sự kiện (chứng cứ).

Sau khi thu thập số liệu, **bước tiếp theo** là phân tích số liệu để xem xét bất kỳ một mẫu hình nào nổi lên. Các mẫu hình hoặc chứng cứ có thể giúp người nghiên cứu **giải thích làm sáng tỏ số liệu** (chẳng hạn, qua số liệu về diễn biến nghèo đói tại Việt Nam đã tìm thấy: tỷ lệ nghèo đói có xu hướng giảm dần, tuy nhiên mức độ giảm nghèo ở thành thị cao hơn so với các vùng nông thôn; Mặc dù tỷ lệ nghèo đói giảm qua các năm nhưng khoảng cách phân hóa giàu nghèo lại khá cao, và diễn biến tăng dần qua các năm, đặc biệt là khoảng cách phân hóa khá cao ở thành thị và các vùng có mức độ đô thị hóa cao...). **Cuối cùng**, người nghiên cứu phải thông tin cho những người khác bằng việc viết báo cáo để mô tả quá trình nghiên cứu, cách thực hiện nghiên cứu của họ như thế nào, và họ đã khám phá ra điều gì từ kết quả nghiên cứu.

Sơ đồ 1.1: Các bước trong quá trình nghiên cứu



Như vậy, để thực hiện dự án, đề tài nghiên cứu có thể thực hiện theo **bảy bước** được mô tả qua sơ đồ 1.1 trên đây. Trong thực tế các nhà nghiên cứu có thể hoàn tất bước 1 rồi qua bước 2, và tiếp theo các bước khác. Nghiên cứu là quá

trình có mối quan hệ tương tác hơn trong đó có sự pha trộn bước này với bước khác. Bước sau có thể khơi dậy sự quan tâm tới việc xem xét lại bước trước. Nghiên cứu không kết thúc, chấm dứt ở bước bầy một cách bất ngờ. Nó là quá trình tiếp tục và việc kết thúc một nghiên cứu thường khơi dậy những suy nghĩ và câu hỏi nghiên cứu mới.

Dưới đây là những thí dụ về các bước tiến hành nghiên cứu theo các chủ đề cụ thể.

1.2.2. Các thí dụ

- Thí dụ 1: Nghiên cứu tăng trưởng kinh tế VN

- Chọn chủ đề: Xác định xu hướng tăng trưởng kinh tế VN từ giai đoạn 1990–2006. Nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa tăng trưởng GDP với đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Làm nổi bật vấn đề và câu hỏi nghiên cứu. Chẳng hạn, tăng trưởng kinh tế VN của các giai đoạn theo xu hướng nào? Nếu theo xu hướng tăng, những nhân tố nào làm tăng? Nếu theo xu hướng giảm, nguyên nhân, nhân tố làm giảm? Làm thế nào để đánh giá định lượng các nhân tố ảnh hưởng đến tăng, giảm tốc độ tăng trưởng? Có phải giảm tốc độ tăng trưởng là do đầu tư nước ngoài giảm không? Điều gì làm cho đầu tư nước ngoài giảm?
- Thiết kế hay lập kế hoạch nghiên cứu: lựa chọn lí thuyết, các phương pháp nghiên cứu phù hợp, chuẩn bị biểu mẫu để thu thập số liệu cho nghiên cứu như thống kê, các phương tiện quan sát thực nghiệm có thể như điều tra chọn mẫu... làm thế nào để có thể thu thập được các dữ liệu định lượng và định tính cần thiết để đánh giá đúng thực trạng và tìm kiếm các mối quan hệ nhân quả.

- Thu thập số liệu: Biểu mẫu số liệu thống kê về GDP, các yếu tố vốn, nhân lực, đất đai, tài nguyên... Tiến hành điều tra chọn mẫu thu thập số liệu liên quan (mô tả định tính về môi trường đầu tư, chọn mẫu điều tra, thiết kế thang đo đánh giá định lượng môi trường đầu tư...).
- Phân tích số liệu, sử dụng các phương pháp định lượng và định tính để phân tích số liệu. Trước tiên là phân tích định tính mô tả mối quan hệ, sau đó là áp dụng mô hình định lượng như mô hình tăng trưởng Cob–Douglas để đánh giá mức độ tác động của các nhân tố, các kết quả phân tích có thể được biểu diễn qua các sơ đồ...
- Giải thích kết quả nghiên cứu và tìm ra nguyên nhân tăng giảm GDP, đề xuất các khuyến nghị.
- Thông báo kết quả: báo cáo phúc trình kết quả nghiên cứu trình các cơ quan hoạch định chính sách hay thông báo kết quả nghiên cứu qua các tạp chí phát triển, có thể ấn hành sách về kết quả nghiên cứu để thông tin tới nhiều độc giả.

- Thí dụ 2: Nghiên cứu tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam.

- Chọn chủ đề: Khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam
- Làm nổi bật vấn đề và câu hỏi nghiên cứu: Tình hình vay tín dụng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam như thế nào? Những nhân tố nào tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ? Giải pháp nào có thể hỗ trợ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ?...